

Bản án số: 380/2023/DS-PT
Ngày: 30/3/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bồi thường thiệt hại và đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Anh Minh**

2. Bà **Phạm Thị Kim**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2022 /DSPT ngày 23/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bồi thường thiệt hại và đòi tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 3367/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 887/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Trụ sở: Tầng 1,2 Tòa nhà ST, số X, đường P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà PK, số N, Đường VK, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Dương Phi H; (vắng mặt)

- Ông Lưu Minh Đ; (có mặt)

- Ông Nguyễn Trọng M; (có mặt)

- Ông Dương Đình T. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà PK – số N, đường VK, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số 147B/7, đường TB, Khu phố A, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 159, đường TB, Khu phố A, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Văn Thị Hồng H2, sinh năm 1979 (có mặt)
Cư trú: Số 159, đường TB, Khu phố A, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình Q:

Luật sư Nguyễn Xuân L— Công ty Luật TNHH LN và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 69/9A, Đường 48, phường BC, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Văn Thị Hồng H2, sinh năm 1979 (có mặt)
Cư trú: Số 159, đường TB, Khu phố A, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Huỳnh Anh T1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 5, đường CV, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn LN và Cộng Sự

Trụ sở: Số 69/9A, Đường 48, phường BC, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 69/9A, Đường 48, phường BC, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (viết tắt là X) do ông Dương Phi H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/01/2016, X và ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 ký hợp đồng tín dụng số 0016/HĐTD1-X606/16 (viết tắt là hợp đồng tín dụng 0016), theo đó, X cho ông V, bà H1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích vay: sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất vay 7,99%/năm trong 06 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân. Sau 06 tháng, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 3,3%/năm tại từng thời kỳ. Ngày 29/01/2016, X đã giải ngân cho ông V, bà H1 theo Khế ước nhận nợ số 0016/KUNN1-X606/16.

Ngày 27/01/2016, X và ông Q đã ký hợp đồng thế chấp số 0016/HĐTC-X606/16 (viết tắt là hợp đồng thế chấp 0016), theo đó, ông Q đã thế chấp Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Q để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa

vụ trả nợ của ông V, bà H1 hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh, riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác ... theo hợp đồng tín dụng 0016 ... và các hợp đồng tín dụng giữa X và ông V, bà H1 trong khoảng thời gian từ ngày 25/01/2016 đến ngày 25/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/01/2016.

Ngày 19/01/2017, X và ông V, bà H1 ký hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 (viết tắt là hợp đồng tín dụng 0036), theo đó, X cho ông V, bà H1 vay số tiền 520.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe ô tô hiệu CHEVROLET, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay 8,6%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân. Sau 12 tháng, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở do X công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,99%/năm tại từng thời kỳ. Ngày 20/01/2017, X đã giải ngân cho ông V, bà H1 theo Khế ước nhận nợ số 0036/KUNN1-X606/17.

Ngày 20/01/2017, X và ông V, bà H1 đã ký hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 0036/HĐTC-X606/17 (viết tắt là hợp đồng thế chấp 0036), ông V, bà H1 đã thế chấp phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số 51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà H1 để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H1 ... theo hợp đồng tín dụng 0036, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà H1 luôn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, X đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn từ ngày 20/10/2018. Ngày 26/12/2018, ông V, bà H1 đã tắt toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0016. Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0036, hiện ông V, bà H1 đã trả nợ gốc là 108.200.000 đồng, lãi là 79.203.176 đồng. Do ông V, bà H1 không tiếp tục trả nợ nên X khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả lại số tiền còn nợ (tạm tính đến ngày 24/8/2020) là 552.029.172 đồng, trong đó nợ gốc là 411.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 92.886.028 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.343.144 đồng. Lãi tiếp tục phát sinh được tính từ ngày 25/8/2020 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng 0036. Trường hợp ông V, bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích 90m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Q ngày 27/9/2010.

- Phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số 51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà H1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ông V, bà H1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông V, bà H1 có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho X.

Ngoài ra, X không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Lê Văn V trình bày:

Vào tháng 01/2017, ông V, bà H1 có mua 01 xe ô tô 04 chỗ và đã trả trước 01 phần tiền, phần còn lại ông V, bà H1 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và thế chấp tài sản là chính chiếc xe đã mua. Ban đầu, vợ chồng ông V vẫn đóng gốc và trả lãi đầy đủ cho X, sau đó do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng ông V lâm vào tình trạng không còn khả năng thanh toán nợ. Ông V đề nghị Tòa án cho thời hạn 40 ngày để đôi bên trao đổi và có kết hoạch trả nợ cho X.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Đình Q do bà Văn Thị Hồng H2 là đại diện trình bày:

Năm 2016, ông Q có bảo lãnh cho ông V, bà H1 vay của X số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích vay: Sửa nhà để ở. Ông Q đã ký với X hợp đồng thế chấp 0016, theo đó, ông Q đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Q để đảm bảo cho khoản vay của ông V, bà H1 theo hợp đồng tín dụng 0016. Do ông V, bà H1 không thu hồi được công nợ nên không trả được nợ cho X. Ông Q đã tất toán khoản vay này thay cho bà H1 theo phiếu thu nợ ngày 26/12/2018 và công văn xác nhận ngày 11/11/2020 của X - Chi nhánh Bình Thạnh.

Hợp đồng thế chấp số 0174/HĐTC-X606/17 ngày 21/4/2017 (viết tắt là hợp đồng thế chấp 0174) đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0174/HĐTD1-X606/17 ngày 18/4/2017. Ông Q đã tất toán trước khi tranh chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0482.HĐTD-X606.18 ngày 13/12/2018 (viết tắt là hợp đồng tín dụng 0482).
- Hợp đồng tín dụng số 7919638.19 ngày 15/10/2019.
- Hợp đồng tín dụng số 3546890.20 ngày 24/7/2020.

Ông Q đang thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký kết với X thì X cho là ông Q đã vi phạm nên ngày 04/01/2020, X ra các thông báo yêu cầu ông Q trả nợ và thu hồi nợ trước hạn với lý do "... bên B là đối tượng của bất cứ vụ kiện tụng nào mà theo bên A là ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng này...". Từ khi vay đến khi nhận được thông báo của X, ông Q luôn thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, chưa vi phạm kỳ trả nợ nào. Ông Q không ký hợp đồng thế chấp đảm bảo cho hợp đồng tín dụng 0036.

Nay X khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Q là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền lợi của ông Q. Do đó, ông Q không đồng ý với yêu cầu của X về việc phát mãi tài sản thế chấp của ông Q.

Do X yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Q khi ông Q không có nghĩa vụ tài sản đối với khoản vay của bà H1 và Ngân hàng đã quyết định thu hồi nợ trước hạn đối với các khoản vay của ông Q trong khi ông Q không vi phạm các nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với X nên ông Q có các yêu cầu độc lập sau:

- Yêu cầu X hoàn trả tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Đình Q ngày 27/9/2010.

- Yêu cầu X phải chịu phạt vi phạm số tiền 36.207.150 đồng (Mức phạt bằng mức X phạt khách hàng khi trả nợ trước hạn theo Thông báo số 60120.20 ngày 04/01/2020 về việc thu hồi nợ trước hạn).

- Yêu cầu X phải bồi thường thiệt hại gồm:

- + Tiền lãi chênh lệch phải trả hàng tháng cho các khoản cấp tín dụng bị X thu hồi trước hạn tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày Tòa xét xử, tạm tính đến ngày 08/6/2022 là 157.044.518 đồng.

- + Tiền lãi phạt khi X tự ý chuyển nợ quá hạn là 1.481.628 đồng.

- + Chi phí mà ông Q phải trả cho luật sư để tư vấn, hướng dẫn, soạn thảo, chuẩn bị tất cả các văn bản phục vụ cho giải quyết tranh chấp là 80.000.000 đồng.

- + Bồi thường thiệt hại về tinh thần 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000 đồng.

Ngoài ra, ông Q không có yêu cầu nào khác.

3.2 Bà Văn Thị Hồng H2 trình bày: Bà H2 có cùng ý kiến và yêu cầu với ông Q.

3.3 Công ty Luật TNHH LN và Cộng Sự do ông Nguyễn Xuân L đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty Luật TNHH LN và Cộng Sự có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông Nguyễn Đình Q đúng như ông Q trình bày. Công ty Luật TNHH LN và Cộng Sự đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3.4 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Anh T1 trình bày:

Ngày 29/01/2021, ông T1 có cho ông Q vay số tiền 1.445.185.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng. Hết hạn hợp đồng, ông Q có xin gia hạn thêm đến ngày 29/01/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T1 đã giao tiền vay cho ông Q, tuy nhiên đến nay ông Q vẫn chưa trả nợ do hai bên là bạn bè nên ông T1 cũng chưa yêu cầu ông Q phải trả số nợ này. Đối với số nợ trên, ông T1 và ông Q sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Số tiền cho vay trên là tiền riêng của cá nhân ông T1, không liên quan đến vợ ông T1 là bà Lê Thị Thùy L1. Do bận công việc, ông T1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 3367/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

1.1 Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền vay còn nợ tính đến ngày 05/9/2022 là 735.076.331 (Bảy trăm ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 411.800.000 (Bốn trăm mười một triệu tám trăm nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 105.272.843 (Một trăm lẻ năm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 218.003.488 (Hai trăm mười tám triệu không trăm lẻ ba nghìn bốn trăm tám mươi tám) đồng

1.2 Ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 06/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1.

1.3 Ngay sau khi ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 thanh toán xong khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có trách nhiệm hoàn trả lại các tài sản bảo đảm sau:

- Trả lại cho ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và toàn bộ hồ sơ thể chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 0036/HĐTC-X606/17 ngày 20/01/2017 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bên thế chấp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Trả lại cho ông Nguyễn Đình Q bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q và toàn bộ hồ sơ thể chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bên thế chấp ông Nguyễn Đình Q.

1.4 Trường hợp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tiến hành xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số 51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1.

Toàn bộ số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý

tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải trả lại cho ông Nguyễn Đình Q bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q và toàn bộ hồ sơ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tiếp tục tiến hành xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích 90m² thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Đình Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình Q sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Nguyễn Đình Q. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình Q sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

1.5 Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm bàn giao phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số 51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

1.6 Buộc ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 có trách nhiệm bàn giao Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích 90m² thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Đình Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình Q.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 số tiền là 192.336.000 (Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 cho đến khi thi hành án xong, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận các yêu cầu độc lập sau đây của ông Nguyễn Đình Q:

- Hoàn trả tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Đình Q ngày 27/9/2010.

- Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 36.207.000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn) đồng .

- Bồi thường chi phí phải trả cho luật sư là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần là 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng..

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2022, ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 3367/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nội dung buộc ông Nguyễn Đình Q thực hiện nghĩa vụ bảo đảm hợp đồng tín dụng.

Ngày 20/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình Q (ông Nguyễn Xuân L) trình bày: Tất cả 4 hợp đồng của ông Q đã tắt toán, tài sản đảm bảo mua xe không có trong hợp đồng thế chấp, ý chí của ông Q chỉ đảm bảo khoản nợ 1.200.000.000 đồng thôi. Buộc Ngân hàng phải làm thủ tục giải chấp tài sản trên ngoài ra phạt vi phạm hợp đồng vì X đơn phương chấm dứt, phí thuê luật sư, thiệt hại tinh thần... Tổng cộng là 402.112.000 đồng.

Bà Văn Thị Hồng H2 thống nhất ý kiến của luật sư ông Q.

- Đại diện Ngân hàng X trình bày: Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Q và bà H2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 3367/DSST ngày 5/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (X) và ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 làm đúng hình thức, trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung đơn kháng cáo của X, với lý do kháng cáo đưa ra là ông Q vi phạm Điểm 9.1.3 Khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp 0174 ngày 21/4/2015, nên X chấm dứt cho vay, chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn là đúng quy định, vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Q, bà H2.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Ông Nguyễn Đình Q có ký với X 02 hợp đồng thế chấp có cùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, gồm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H1.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0174/HĐTC-X606/17 ngày 21/4/2015 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Q, bà H2.

Ngân hàng X khởi kiện đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông V, bà H1 với lý do ông V, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm của ông Q và bà H1. Trong khi ông Q không vi phạm hợp đồng thế chấp, không vi phạm hợp đồng tín dụng được ký kết với X nhưng X lại căn cứ vào chính vụ khởi kiện này, cho rằng ông Q vi phạm Điểm 9.1.3 Khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp: “*Bên B là đối tượng của bất kỳ vụ kiện tụng nào mà theo Bên A là ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng Tín Dụng và Hợp đồng này ...*” đề nghị quyết định chấm dứt hợp đồng tín dụng với ông Q, bà H2, chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn là không đúng quy định và trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định X thu hồi nợ trước hạn gây thiệt hại khoản chênh lệch tiền lãi giữa khoản vay X và khoản vay ông T1 nên ông Q yêu cầu X bồi thường khoản chênh lệch này là có căn cứ. Tiền lãi chênh lệch tính đến ngày 05/9/2022 là 190.855.000 (Một trăm chín mươi triệu tám trăm năm mươi

lăm nghìn) đồng nên buộc X bồi thường cho ông Q, bà H2 số tiền nêu trên là có cơ sở. Ngoài ra, X chấm dứt nợ trước hạn dẫn đến phạt ông Quyền chậm trả theo các Phiếu thu nợ số 19617840, 19617841, 19617844 ngày 29/01/2021, tổng cộng là 1.481.000 (Một triệu bốn trăm tám mươi một nghìn) đồng. Do X chấm dứt hợp đồng tín dụng trước hạn trái pháp luật, nên tính lãi chậm trả là không đúng nên phải trả lại cho ông Q khoản tiền này. Cấp sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu độc lập nêu trên của ông Q đúng pháp luật nên kháng cáo của X không được chấp nhận.

Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2, nội dung chính của đơn vẫn là ý kiến cho rằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 mà ông Q ký kết là để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông V, bà H1 theo hợp đồng tín dụng số 0016/HĐTD1-X606/16 ngày 25/01/2016, theo đó X cho ông V, bà H1 vay số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng, chứ không bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017, theo đó X cho ông V, bà H1 vay số tiền 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng, mục đích vay: mua xe ô tô hiệu CHEVROLET.

Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 giữa X và ông Q ghi nhận: “*Nghĩa vụ được bảo đảm. Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bà: Nguyễn Thị Thu H1 ..., và chồng ông Lê Văn V, ...(sau đây được gọi là “Bên C”), hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh, riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác, cho bên A bao gồm nhưng không giới hạn bởi khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, phí, phí tư V pháp lý (nếu có) và các khoản phải trả khác theo Hợp Đồng Tín Dụng số 0016/HĐTD1-X606/16 ... và các hợp đồng tín dụng ký giữa bên A và Bên C trong khoảng thời gian từ ngày 25/01/2016 đến 25/01/2021 ...*”. Hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 giữa X (Bên A) với bà H1, ông V (bên C) trong khoảng thời gian thuộc phạm vi bảo lãnh của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 294 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định trách nhiệm của ông Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 là có cơ sở. Trong đơn kháng cáo, ông Q có trình bày ông có đọc và yêu cầu X bỏ đoạn cuối khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng thế chấp nhưng X cho rằng đây là hợp đồng mẫu không thể sửa và giải thích ông chỉ bảo đảm duy nhất cho món vay 1,2 tỉ đồng, nhưng ông Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc X giải thích như vậy. Cho thấy về ý chí chủ quan ông Q biết và đã ký kết hợp đồng. Vì vậy, kháng cáo của ông Q cho rằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 không bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 để sửa án sơ thẩm là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm X số tiền 36.207.000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn) đồng, do ông Q và X không có thỏa thuận về phạt vi phạm trong trường hợp X vi phạm hợp đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông Q. Yêu cầu về chi phí luật sư thì đây không phải là chi phí tố tụng và quyền yêu cầu luật sư là quyền tự định đoạt của đương sự, không thuộc phạm vi thiệt hại bồi thường. Yêu cầu về thiệt hại về tinh thần do ông Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu này của ông Q. Đối với yêu cầu hoàn trả tài sản thế chấp, như đã phân tích, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 không bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 nên tài sản được xử lý theo hợp đồng thế chấp. Đối với yêu cầu tiếp tục tính thiệt hại đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm vì cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận bồi thường tính đến ngày 05/09/2022, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có tuyên về nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án là đảm bảo quyền lợi cho ông Q, mặt khác, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại bản án sơ thẩm khi bị kháng cáo, nên không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, X, ông Q, bà H2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho lý do kháng cáo của X, ông Q, bà H2 và các lý do kháng cáo của X, ông Q, bà H2 là không có căn cứ và việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, áp dụng đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm : Do kháng cáo của X, ông Q, bà H2 không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2, 3, 6 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 40, Điều 157, Điều 158, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 294, Điều 296, Điều 317, Điều 318, Điều 357, Điều 418, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 4, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3367/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

2.1.1 Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền vay còn nợ tính đến ngày 05/9/2022 là 735.076.331 (Bảy trăm ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 411.800.000 (Bốn trăm mười một triệu tám trăm nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 105.272.843 (Một trăm lẻ năm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 218.003.488 (Hai trăm mười tám triệu không trăm lẻ ba nghìn bốn trăm tám mươi tám) đồng.

2.1.2 Ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 06/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0036/HĐTD1-X606/17 ngày 19/01/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1.

2.1.3 Ngay sau khi ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 thanh toán xong khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có trách nhiệm hoàn trả lại các tài sản bảo đảm sau:

- Trả lại cho ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và toàn bộ hồ sơ thể chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 0036/HĐTC-X606/17 ngày 20/01/2017 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bên thế chấp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Trả lại cho ông Nguyễn Đình Q bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q và toàn bộ hồ sơ thể chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bên thế chấp ông Nguyễn Đình Q.

2.1.4 Trường hợp ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tiến hành xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số

51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1.

Toàn bộ số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải trả lại cho ông Nguyễn Đình Q bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q và toàn bộ hồ sơ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/HĐTC-X606/16 ngày 27/01/2016.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tiếp tục tiến hành xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích 90m² thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Đình Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình Q sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Nguyễn Đình Q. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Đình Q sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

2.1.5 Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm bàn giao phương tiện vận tải nhãn hiệu CHEVROLET, số loại CRUZE, loại xe ô tô con, số khung RLLJF696EGH938617, số máy F16D3162100076, biển số 51G-283.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 246188 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.1.6 Buộc ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 có trách nhiệm bàn giao Quyền sử dụng đất thuộc thửa 4690, tờ bản đồ số 34, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích 90m² thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Đình Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

cấp ngày 27/9/2010 cho ông Nguyễn Đình Q cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình Q.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 số tiền là 192.336.000 (Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

2.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Đình Q, bà Văn Thị Hồng H2 cho đến khi thi hành án xong, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Không chấp nhận các yêu cầu độc lập sau đây của ông Nguyễn Đình Q:

- Hoàn trả tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 414488 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Đình Q ngày 27/9/2010.

- Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 36.207.000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

- Bồi thường chi phí phải trả cho luật sư là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần là 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

2.5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X chi phí tố tụng số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu là 33.403.053 (Ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ ba nghìn không trăm năm mươi ba) đồng.

Ông Nguyễn Đình Q phải chịu là 6.855.350 (Sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.313.580 (Bốn triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm tám mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024859 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đình Q còn phải nộp thêm số tiền là 2.541.770 (Hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải chịu là 9.616.800 (Chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn tám trăm) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.040.583 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057943 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành

phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được nhận lại số tiền 3.423.783 (Ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi ba) đồng.

2.7 Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; ông Nguyễn Đình Q và bà Văn Thị Hồng H2 chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0028495 ngày 20/9/2022, bà Văn Thị Hồng H2 đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0028594 ngày 28/9/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tú Oanh